

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đến 31 tháng 12 năm 2011

	TÀI SẢN	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	SỐ CUỐI NĂM (31/12/2011)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2011)
<b>A.</b>	<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>233,497,422,918</b>	<b>201,153,939,146</b>
	(100=110+120+130+140+150)				
<b>I</b>	<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>18,058,266,009</b>	<b>13,459,072,102</b>
1	Tiền	111	V.01	7,058,266,009	7,659,072,102
2	Các khoản tương đương tiền	112		11,000,000,000	5,800,000,000
<b>II</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	V.02		
1	Đầu tư ngắn hạn	121			
2	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*) (2)	129			
<b>III</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>125,917,087,641</b>	<b>128,444,240,935</b>
1	Phải thu khách hàng	131		109,802,387,103	118,151,480,961
2	Trả trước cho người bán	132		14,092,805,752	8,603,651,929
3	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
	-Vốn lưu động				
	-Vốn cố định				
	- Phải thu nội bộ khác				
4	Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134			
5	Các khoản phải thu khác	135	V.03	2,021,894,786	1,689,108,045
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139			
<b>IV</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>78,907,801,539</b>	<b>52,088,946,978</b>
1	Hàng tồn kho	141	V.04	78,907,801,539	52,088,946,978
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>10,614,267,729</b>	<b>7,161,679,131</b>
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		39,438,124	25,592,954
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152			222,912,091
3	Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước	154	V.05		
5	Tài sản ngắn hạn khác	158		10,574,829,605	6,913,174,086
<b>B</b>	<b>TAI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>36,132,478,772</b>	<b>36,929,903,085</b>
	(200=210+220+240+250+260)				
<b>I</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>			
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3	Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06		
4	Phải thu dài hạn khác	218	V.07		
5	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>16,172,748,213</b>	<b>16,335,098,114</b>
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	11,400,548,213	11,723,898,114
	- Nguyên giá	222		18,334,612,724	16,759,028,167
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(6,934,064,511)	(5,035,130,053)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09		
	- Nguyên giá	225			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.10	4,611,200,000	4,611,200,000
	- Nguyên giá	228		4,611,200,000	4,611,200,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
4	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	161,000,000	
<b>III</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	V.12		
	- Nguyên giá	241			
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
<b>IV</b>	<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (*)</b>	<b>250</b>		<b>18,300,000,000</b>	<b>18,300,000,000</b>
1	Đầu tư vào công ty con	251			10,300,000,000
2	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		10,300,000,000	
3	Đầu tư dài hạn khác	258	V.13	8,000,000,000	8,000,000,000
4	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259			
<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1,659,730,559</b>	<b>2,294,804,971</b>
1	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	1,654,730,559	2,289,804,971
2	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21		
3	Tài sản dài hạn khác	268		5,000,000	5,000,000
	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>269,629,901,690</b>	<b>238,083,842,231</b>

NGUỒN VỐN			SỐ CUỐI NĂM (31/12/2011)	SỐ ĐẦU NĂM (01/01/2011)	
<b>A</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ ( 300=310+330)</b>	<b>300</b>	<b>201,952,995,043</b>	<b>170,729,434,356</b>	
<b>I</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>198,583,164,411</b>	<b>164,651,360,201</b>	
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.15	62,200,643,938	61,764,800,489
2	Phải trả người bán	312		49,467,517,691	59,542,656,908
3	Người mua trả tiền trước	313		34,252,772,066	15,234,267,801
4	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314	V.16	11,395,321,509	6,746,499,997
5	Phải trả người lao động	315		10,953,017,199	6,735,349,564
6	Chi phí phải trả	316	V.17	14,321,395,787	8,607,639,027
7	Phải trả nội bộ	317			
8	Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	318			
9	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	15,870,815,455	6,060,850,165
10	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320			
11	Quỹ khen thưởng, phúc lợi			121,680,766	(40,703,750)
<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3,369,830,632</b>	<b>6,078,074,155</b>
1	Phải trả dài hạn người bán	331			
2	Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.19		
3	Phải trả dài hạn khác	333			
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.20	699,046,268	1,672,235,732
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.21		
6	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.22	391,525,524	282,819,808
7	Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.23	2,279,258,840	4,123,018,615
<b>B</b>	<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU ( 400=410+430)</b>	<b>400</b>	V.24	<b>67,676,906,647</b>	<b>67,354,407,875</b>
<b>I</b>	<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>67,676,906,647</b>	<b>67,354,407,875</b>
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		50,000,000,000	50,000,000,000
	- Vốn cố định				
	- Vốn lưu động			50,000,000,000	50,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		5,000,000,000	5,000,000,000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4	Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416			
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		4,344,230,853	2,519,993,850
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		948,992,506	481,338,742
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419			
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		7,383,683,288	9,353,075,283
	- Lợi nhuận năm trước				
	- Lợi nhuận năm nay			7,383,683,288	9,353,075,283
11	Nguồn vốn đầu tư XDCB	421			
<b>II</b>	<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>			
1	Nguồn kinh phí	432	V.23		
2	Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433			
	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN ( 440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>269,629,901,690</b>	<b>238,083,842,231</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thanh Giang

Lê Văn Tuấn

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý IV năm 2011

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2011	QUÝ IV/2010	NĂM 2011	NĂM 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	70,581,090,463	103,010,230,615	213,185,780,552	276,650,886,957
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		70,581,090,463	103,010,230,615	213,185,780,552	276,650,886,957
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.27	57,007,506,089	93,599,612,138	173,904,625,532	240,158,400,947
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		13,573,584,374	9,410,618,477	39,281,155,020	36,492,486,010
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	173,725,814	1,010,397,856	483,404,794	1,526,628,417
7	Chi phí tài chính	22	VI.28	3,416,630,439	2,385,976,455	12,942,584,648	7,512,721,674
-	<i>Trong đó :Chi phí lãi vay</i>			3,416,630,439	2,385,976,455	12,942,584,648	7,512,721,674
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,764,493,132	4,727,184,461	16,057,640,803	17,602,160,134
10	<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>5,566,186,617</b>	<b>3,307,855,417</b>	<b>10,764,334,363</b>	<b>12,904,232,619</b>
11	Thu nhập khác	31		6,109,091	117,234,166	122,577,313	522,052,348

STT	CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	QUÝ IV/2011	QUÝ IV/2010	NĂM 2011	NĂM 2010
12	Chi phí khác	32		226,589,510	295,121,676	687,299,720	758,340,469
<b>13</b>	<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>(220,480,419)</b>	<b>(177,887,510)</b>	<b>(564,722,407)</b>	<b>(236,288,121)</b>
14	Phần lãi lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45					
<b>15</b>	<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>5,345,706,198</b>	<b>3,129,967,907</b>	<b>10,199,611,956</b>	<b>12,667,944,498</b>
16	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	1,460,595,875	801,223,889	2,815,928,668	3,314,869,215
17	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30	-	-	-	-
<b>18</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>3,885,110,323</b>	<b>2,328,744,018</b>	<b>7,383,683,288</b>	<b>9,353,075,283</b>
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-	-	-
18.1	Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	62		3,885,110,323	2,328,744,018	7,383,683,288	9,353,075,283
<b>19</b>	<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)</b>	<b>70</b>		<b>777</b>	<b>466</b>	<b>1,477</b>	<b>1,871</b>

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Đoàn Văn Hiếu*

*Trần Thanh Giang*

*Lê Văn Tuấn*

## LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2011

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	NĂM 2011	NĂM 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	101,987,334,664	83,570,456,593
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	-53,539,393,529	-37,465,479,657
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	-15,922,392,756	-17,087,467,410
4. Tiền chi trả lãi vay	4	-12,332,928,039	-4,524,462,479
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	-33,211,981	-3,763,443,339
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	451,383,834,910	435,789,438,281
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	-344,994,342,242	-380,631,106,100
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>126,548,901,027</b>	<b>75,887,935,889</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	0	0
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	1,000,000	3,181,818
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	0	-185,341,936
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	0	-14,542,552,667
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	0	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	0	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	174,064,025	529,780,016
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>175,064,025</b>	<b>-14,194,932,769</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	0	0
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu	32	0	0
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	0	484,888,363
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-122,124,771,145	-82,982,009,173
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	0	0
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	0	0
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>-122,124,771,145</b>	<b>-82,497,120,810</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>4,599,193,907</b>	<b>-20,804,117,690</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>13,459,072,102</b>	<b>34,263,189,519</b>
ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	0	0
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>18,058,266,009</b>	<b>13,459,071,829</b>

LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2012

TỔNG GIÁM ĐỐC

*Đoàn Văn Hiếu*

*Trần Thanh Giang*

*Lê Văn Tuấn*

# CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

---

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

(Dạng đầy đủ)

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng, lắp đặt
- Ngành nghề kinh doanh** : Xây lắp đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp 500 kv; Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông, bưu điện; Dịch vụ quản lý, vận hành, phân phối điện năng; Xây lắp hệ thống điện, cấp thoát nước khu đô thị và khu công nghiệp; Dịch vụ quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước tại các khu công nghiệp và đô thị; Dịch vụ quản lý và vận hành kinh doanh bán điện, sản xuất kinh doanh điện thương phẩm.
- Nhân viên**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 Công ty có 424 nhân viên đang làm việc.

### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**  
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

### III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.
- Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ trên máy vi tính.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

---

### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

#### 2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### 3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định theo công thức sau:

$$\begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{sản xuất kinh doanh} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{r} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dở dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} - \begin{array}{r} \text{Lãi vay} \\ \text{ước tính} \\ \text{(nếu có)} \end{array}$$

#### 4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

#### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc và thiết bị	8 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8

## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

---

### **6. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

### **7. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

### **8. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **9. Chi phí trả trước dài hạn**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

#### ***Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại***

Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được ghi nhận theo số liệu Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp tại thời điểm ngày 01 tháng 8 năm 2008 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11. Thương hiệu Sông Đà và lợi thế thương mại được phân bổ trong 10 năm.

### **10. Chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

### **11. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 trong Công ty. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 1 % quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.



## **CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

---

### **12. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ**

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

### **13. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **14. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

### **16. Hợp đồng xây dựng**

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### **17. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2.652.938.111	1.100.930.892
Tiền gửi ngân hàng	4.405.327.898	6.322.566.748
Tiền đang chuyển		235.574.462
Các khoản tương đương tiền	11.000.000.000	5.800.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>	<i>11.000.000.000</i>	<i>5.800.000.000</i>
<b>Cộng</b>	<b><u>18.058.266.009</u></b>	<b><u>13.459.072.102</u></b>

### 2. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	80.938.267.504	110.102.961.978
Khách hàng mua điện, nước và dịch vụ khác	28.864.119.599	8.048.518.983
<b>Cộng</b>	<b><u>109.802.387.103</u></b>	<b><u>118.151.480.961</u></b>

### 3. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	8.460.697.482	6.200.300.911
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	5.632.108.270	2.403.351.018
<b>Cộng</b>	<b><u>14.092.805.752</u></b>	<b><u>8.603.651.929</u></b>

### 4. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
BHXH, BHYT phải thu nhân viên	297.208.129	79.665.955
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư	431.176.350	513.992.521
Tiền lãi trái phiếu phải thu Công ty TCCP Sông Đà	-	511.597.222
Tiền vật tư nhiên liệu	587.332.245	-
Các khoản phải thu khác	706.178.062	583.852.347
<b>Cộng</b>	<b><u>2.021.894.786</u></b>	<b><u>1.689.108.045</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)****5. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.142.166.380	3.445.931.997
Công cụ, dụng cụ	262.205.622	120.689.040
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	72.503.429.537	48.522.325.941
<b>Cộng</b>	<b><u>78.907.801.539</u></b>	<b><u>52.088.946.978</u></b>

**6. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	30.859.955	25.592.954
Chi phí sửa chữa	8.578.169	-
<b>Cộng</b>	<b><u>39.438.124</u></b>	<b><u>25.592.954</u></b>

**7. Tài sản ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	10.524.577.042	6.905.674.086
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50.252.563	7.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>10.574.829.605</u></b>	<b><u>6.913.174.086</u></b>

**8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	3.444.510.778	5.865.604.850	6.633.673.129	815.239.410	16.759.028.167
Tăng trong kỳ	254.552.727	649.060.818	748.000.000	69.516.000	1.721.129.545
<i>Mua sắm mới</i>		649.060.818	748.000.000	69.516.000	1.466.576.818
<i>Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	254.552.727				254.552.727
Giảm trong kỳ	0	145.544.988	0	0	145.544.988
<i>Thanh lý, nhượng bán</i>		145.544.988			145.544.988
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.699.063.505</u></b>	<b><u>6.369.120.680</u></b>	<b><u>7.381.673.129</u></b>	<b><u>884.755.410</u></b>	<b><u>18.334.612.724</u></b>
<b>Giá trị hao mòn</b>					0
Số đầu năm	11.481.703	2.380.158.583	2.400.830.202	242.659.565	5.035.130.053
Tăng do khấu hao trong kỳ	187.552.100	807.810.478	905.928.334	143.188.534	2.044.479.446
Giảm trong kỳ		145.544.988			145.544.988
<i>Thanh lý</i>		145.544.988			145.544.988
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>199.033.803</u></b>	<b><u>3.042.424.073</u></b>	<b><u>3.306.758.536</u></b>	<b><u>385.848.099</u></b>	<b><u>6.934.064.511</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>					0
Số đầu năm	3.433.029.075	3.485.446.267	4.232.842.927	572.579.845	11.723.898.114
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>3.500.029.702</u></b>	<b><u>3.326.696.607</u></b>	<b><u>4.074.914.593</u></b>	<b><u>498.907.311</u></b>	<b><u>11.400.548.213</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng 262 m<sup>2</sup> đất tại BT03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ban Quản lý dự án khu đô thị Xa La đang làm thủ tục đề cấp giấy chứng nhận. Quyền sử dụng đất này được Công ty mua lại của cá nhân theo hợp đồng chuyển nhượng ký năm 2009. Giá trị Quyền sử dụng đất chưa bao gồm lệ phí trước bạ và các chi phí khác theo quy định của nhà nước trước khi làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

### 10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Số cuối kỳ
Mua sắm TSCĐ	-	1.466.576.818	1.466.576.818	0
XDCB dở dang	-	415.552.727	254.552.727	161.000.000
- Công trình san lấp mặt bằng xưởng	-	161.000.000		161.000.000
- Tặng bổ sung công trình Khu nhà văn phòng tại Xala theo quyết toán		254.552.727	254.552.727	0
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>1.882.129.545</b>	<b>1.721.129.545</b>	<b>161.000.000</b>

### 11. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Buông	-	-	785.000	10.300.000.000
<b>Cộng</b>				<b>10.300.000.000</b>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 5500378582 ngày 06 tháng 09 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sơn La cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông 27.000.000.000 VND (2.700.000 CP), tương đương 45% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 10.300.000.000 VND, tương đương mệnh giá 785.000 CP.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông về việc thông qua phương án điều chỉnh vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long từ 45% xuống còn 40% và không có thỏa thuận nào khác về việc nắm quyền kiểm soát tại Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông, do đó khoản đầu tư này được chuyển sang trình bày ở chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh”.

### 12. Đầu tư vào công ty liên kết

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Buông	785.000	10.300.000.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>10.300.000.000</b>		<b>-</b>

Khoản đầu tư tăng trong kỳ là do khoản đầu tư vào CTCP Thủy điện To Buông đầu năm được trình bày ở chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty con” nay được chuyển sang trình bày ở chỉ tiêu “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15/06/2011 của Công ty Cổ phần Thủy điện To Buông.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 13. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Đầu tư trái phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà (*)	5.000	5.000.000.000	5.000	5.000.000.000
Đầu tư Cổ phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
<b>Cộng</b>		<b>8.000.000.000</b>		<b>8.000.000.000</b>

Năm 2011, Công ty Tài chính cổ phần Sông Đà đã chuyển đổi 5.000 trái phiếu thành 500.000 cổ phần.

### 14. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ	Chi phí phát sinh trong kỳ	Phân bổ vào	Số cuối kỳ
			chi phí trong kỳ	
Công cụ dụng cụ	260.028.195	2.718.182	89.265.818	173.480.559
Thương hiệu Sông Đà	1.025.000.000	-	37.500.000	987.500.000
Lợi thuế thương mại	512.500.000	-	18.750.000	493.750.000
Chi phí sửa chữa lớn tài sản	69.502.963		69.502.963	-
<b>Cộng</b>	<b>1.867.031.158</b>	<b>2.718.182</b>	<b>215.018.781</b>	<b>1.654.730.559</b>

### 15. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ dài hạn.

### 16. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	59.227.454.474	52.754.987.139
+) Ngân hàng Công thương Việt Nam <sup>(a)</sup>	34.323.513.663	32.650.522.205
+) Ngân hàng TMCP Tiên Phong <sup>(b)</sup>	4.919.626.726	20.104.464.934
+) Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn <sup>(c)</sup>	19.984.314.085	-
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	8.036.623.886
+) Vay Công ty Cổ phần Tài chính Sông Đà <sup>(d)</sup>	-	8.036.623.886
+) Vay Ông Hà Văn Cường <sup>(e)</sup>	1.000.000.000	-
+) Vay Ông Đỗ Quang Cường <sup>(e)</sup>	1.000.000.000	-
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464	973.189.464
<b>Cộng</b>	<b>62.200.643.938</b>	<b>61.764.800.489</b>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội để bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất và tài trợ thương mại. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc duy trì giá trị các khoản phải thu tối thiểu là 60.000.000.000 VND.

(c) Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông Thôn - Chi nhánh Láng Hạ theo hợp đồng hạn mức tín dụng số 1400-LAV-201000579 ngày 10/06/2011, số tiền vay tối đa là 20 tỷ đồng, mục đích để bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh, lãi vay theo từng lần nhận nợ.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

- (d) Vay Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà theo lãi suất không vượt quá lãi suất trần của Ngân hàng Nhà nước. Khoản vay này được đảm bảo bằng uy tín và năng lực của bên vay, toàn bộ số dư tài khoản tiền gửi sản xuất kinh doanh bằng VND và ngoại tệ tại ngân hàng và các tổ chức tín dụng khác,....
- (e) Khoản vay Ông Đỗ Quang Cường và Hà Văn Cường với lãi suất 21%/năm trong thời hạn 03 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Chi tiết số phát sinh các khoản vay ngắn hạn:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	52.754.987.139	105.090.649.329	98.618.181.994	59.227.454.474
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	8.036.623.886	17.469.965.265	23.506.589.151	2.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	973.189.464	973.189.464	973.189.464	973.189.464
<b>Cộng</b>	<b>61.764.800.489</b>	<b>123.533.804.058</b>	<b>123.097.960.609</b>	<b>62.200.643.938</b>

#### 17. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người bán cung cấp dịch vụ xây dựng, lắp đặt	10.026.228.586	23.969.149.303
Người bán cung cấp vật tư và dịch vụ khác	39.441.289.105	35.573.507.605
<b>Cộng</b>	<b>49.467.517.691</b>	<b>59.542.656.908</b>

#### 18. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Khối lượng xây dựng, lắp đặt	34.252.772.066	15.034.284.415
Tiền mua điện, nước và dịch vụ khác	0	199.983.386
<b>Cộng</b>	<b>34.252.772.066</b>	<b>15.234.267.801</b>

#### 19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.388.721.467	7.845.607.629	6.217.679.772	6.016.649.324
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.200.936.551	2.815.928.668	332.119.811	4.983.653.238
Thuế thu nhập cá nhân	156.841.979	283.617.674	72.508.330	367.951.323
Thuế nhà đất	0	28.067.624	100.000	27.067.624
Các loại thuế khác	0	14.107.364	14.107.364	0
<b>Cộng</b>	<b>6.746.499.997</b>	<b>10.987.328.959</b>	<b>6.338.507.447</b>	<b>11.395.321.509</b>

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### ***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm 2011</u>	<u>Năm 2010</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.199.611.956	12.667.944.498
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	931.254.792	485.868.563
<i>Thù lao cho các thành viên hội đồng quản trị không tham gia điều hành công ty</i>	<i>156.640.000</i>	<i>233000000</i>
<i>Phạt chậm nộp BHXH</i>	<i>79305728</i>	<i>23691189</i>
<i>Tiền phạt hành chính</i>	<i>14.500.000</i>	<i>25.000.000</i>
<i>Phạt chậm nộp Thuế</i>	<i>593.409.197</i>	<i>204.177.374</i>
<i>Lãi vay VLD tự huy động vượt 150% lãi suất cơ bản</i>	<i>87.399.867</i>	<i>-</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập tính thuế	<u>11.130.866.748</u>	<u>13.153.813.061</u>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
<b><i>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</i></b>	<b><i>2.782.716.687</i></b>	<b><i>3.288.453.265</i></b>
<b><i>Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước</i></b>	<b><i>33.211.981</i></b>	<b><i>-</i></b>
<b>Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>2.815.928.668</u></b>	<b><u>3.288.453.265</u></b>

### ***Thuế nhà đất***

Tiền thuế đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### ***Các loại thuế khác***

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## **20. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí lãi vay phải trả	173.935.498	225.754.200
Chi phí thuê nhà	12.000.000	48.000.000
Khối lượng xây lắp tạm tính	9.010.280.484	8.032.836.072
Chi phí nguyên vật liệu	462.163.434	301.048.755
CP khác	4.663.016.371	-
<b>Cộng</b>	<b><u>14.321.395.787</u></b>	<b><u>8.607.639.027</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 21. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	1.988.008.786	839.253.568
Kinh phí công đoàn	996.008.750	503.182.780
Tiền cổ tức phải trả cho cổ đông	6.815.000.000	315.000.000
Tiền khối lượng chưa thanh toán cho chủ nhiệm công trình	2.870.622.787	2.144.645.919
Chủ đầu tư cấp nguồn chi trả hộ tiền đền bù	94.543.570	601.875.561
Phải trả phải nộp khác	3.106.631.562	1.656.892.337
<b>Cộng</b>	<b><u>15.870.815.455</u></b>	<b><u>6.060.850.165</u></b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Năm 2011</u>
Số đầu năm	(40.703.750)
Tăng do trích lập từ lợi nhuận trong kỳ	561.184.516
Chi quỹ trong kỳ	398.800.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>121.680.766</u></b>

### 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam <sup>(a)</sup>	361.734.804	1.208.432.460
Ngân hàng Thương mại cổ phần Tiên Phong <sup>(b)</sup>	337.311.464	463.803.272
<b>Cộng</b>	<b><u>699.046.268</u></b>	<b><u>1.672.235.732</u></b>

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung theo hai hợp đồng tín dụng:

Hợp đồng tín dụng số 26060/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2009”, giá trị tài sản tạm tính: 3.826.900.000 VND.

Hợp đồng tín dụng số 26061/2009/HĐTD ngày 26 tháng 06 năm 2009 để thực hiện dự án: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư mua sắm xe ô tô phục vụ quản lý điều hành”, giá trị tài sản tạm tính: 2.736.180.225 VND.

(b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 08 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc đảm bảo tài sản hình thành trong tương lai là toàn bộ giá trị tài sản máy móc thiết bị thuộc dự án đầu tư: “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”, giá trị tài sản tạm tính: 948.501.273 VND.



**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)*****Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn***

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	-	-
Trên 1 năm đến 5 năm	699.046.268	1.672.235.732
Trên 5 năm	-	-
<b>Tổng nợ</b>	<b><u>699.046.268</u></b>	<b><u>1.672.235.732</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn các ngân hàng như sau:

	<u>Năm 2011</u>
Số đầu năm	1.672.235.732
Số tiền vay phát sinh	-
Số phải trả năm 2012 chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	973.189.464
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>699.046.268</u></b>

**24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm**

	<u>Năm 2011</u>
Số đầu năm	282.819.808
Số trích lập bổ sung	108.705.716
Số đã chi	-
<b>Số cuối kỳ</b>	<b><u>391.525.524</u></b>

**25. Vốn chủ sở hữu*****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu***

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số dư đầu năm trước	50.000.000.000	5.000.000.000	859.710.318	142.530.019	8.271.138.505	64.273.378.842
Phân phối lợi nhuận năm 2009	-	-	1.660.283.532	338.808.723	(2.405.088.505)	(405.996.250)
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	9.353.075.283	9.353.075.283
Chia cổ tức năm trước	-	-	-	-	(5.866.050.000)	(5.866.050.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>2.519.993.850</u></b>	<b><u>481.338.742</u></b>	<b><u>9.353.075.283</u></b>	<b><u>67.354.407.875</u></b>
Số dư đầu năm 2011	50.000.000.000	5.000.000.000	2.519.993.850	481.338.742	9.353.075.283	67.354.407.875
Lợi nhuận trong năm 2011	-	-	-	-	7.383.683.288	7.383.683.288
Trích lập các quỹ	-	-	1.824.237.003	467.653.764	(2.853.075.283)	(561.184.516)
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	(6.500.000.000)	(6.500.000.000)
<b>Số dư cuối năm 2011</b>	<b><u>50.000.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>4.344.230.853</u></b>	<b><u>948.992.506</u></b>	<b><u>7.383.683.288</u></b>	<b><u>67.676.906.647</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn góp của các cổ đông	50.000.000.000	50.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	5.000.000.000	5.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>55.000.000.000</u></b>	<b><u>55.000.000.000</u></b>

### Cổ tức

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2011, cổ tức năm 2010 được chia với tỷ lệ 13% vốn điều lệ, tương đương 6.500.000.000 đồng.

### Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	5.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	5.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

### Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc các trường hợp bất khả kháng, ngoài dự kiến như thiên tai, hỏa hoạn,....

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

### 1. Doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu kinh doanh điện	22.231.737.868	26.997.039.537
Doanh thu bán vật tư	414.224.590	3.112.186.429
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.030.711.989	7.545.657.635
Doanh thu hoạt động xây dựng	176.115.088.213	238.996.003.356
<b>Cộng</b>	<b><u>213.791.762.659</u></b>	<b><u>276.650.886.957</u></b>

### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn kinh doanh điện	21.838.093.370	26.147.671.550
Giá vốn bán vật tư	372.503.807	1.847.845.688
Giá vốn cung cấp dịch vụ	5.590.357.620	2.713.819.366
Giá vốn hoạt động xây dựng	146.103.670.735	209.447.950.760
<b>Cộng</b>	<b><u>173.904.625.532</u></b>	<b><u>240.157.287.364</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	135.019.908	128.181.744
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	39.725.000	423.860.866
Lãi đầu tư trái phiếu	-	511.597.222
Lãi bán hàng trả chậm	308.659.886	462.988.585
<b>Cộng</b>	<b><u>483.404.794</u></b>	<b><u>1.526.628.417</u></b>

### 4. Chi phí tài chính

Là chi phí lãi vay phát sinh trong năm.

### 5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	9.051.232.825	10.143.282.351
Chi phí vật liệu quản lý	1.394.834.900	1.091.787.947
Chi phí đồ dùng văn phòng	303.701.492	568.193.036
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.008.893.518	807.435.619
Thuế, phí và lệ phí	85.313.272	229.244.241
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.454.029.762	2.138.022.053
Chi phí bằng tiền khác	2.759.635.034	2.625.308.470
<b>Cộng</b>	<b><u>16.057.640.803</u></b>	<b><u>17.603.273.717</u></b>

### 6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phí bảo lãnh	113.521.984	-
Thu tiền bán hồ sơ thầu	2.272.727	17.272.727
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	2.836.364	503.000.000
Thu tiền điện	2.946.238	1.779.621
Doanh thu khác	1.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>122.577.313</u></b>	<b><u>522.052.348</u></b>

### 7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá trị còn lại của TSCĐ nhượng bán, thanh lý	-	505.471.906
Giá trị tài sản, vật tư thiệt hại do thiên tai	-	-
Tiền phạt do chậm nộp BHXH	79.305.728	23.691.189
Chi phí BHXH năm trước trích thiếu	-	-
Tiền phạt thuế	593.409.197	204.177.374
Tiền phạt do vi phạm hành chính	14.500.000	25.000.000
Chi phí khác	84.795	-
<b>Cộng</b>	<b><u>687.299.720</u></b>	<b><u>758.340.469</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

### 8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	7.383.683.288	9.353.075.283
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	7.383.683.288	9.353.075.283
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.000.000	5.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.477</u></b>	<b><u>1.871</u></b>

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được xác định như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	5.000.000	5.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ</b>	<b><u>5.000.000</u></b>	<b><u>5.000.000</u></b>

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Sông Đà 11	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bùng	Công ty liên kết, liên doanh

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</b>		
<b>Giao dịch bán hàng</b>	<b>39.466.434.702</b>	<b>30.938.395.803</b>
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	35.815.645.853	20.714.386.102
Thuế GTGT	3.650.788.849	2.071.438.610
Thanh toán tiền ký quỹ bảo lãnh thực hiện hợp đồng	-	506.193.759
<b>Giao dịch mua hàng</b>	<b>897.322.801</b>	<b>3.882.600.246</b>
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	-	3.421.615.533
Thuế GTGT	-	342.161.553
Vật tư	458.887.480	
Thuế GTGT	45.888.748	
Tiền phí bảo hiểm công trình	33.651.712	-
Thuế GTGT	3.365.171	
Tiền phí bảo lãnh	355.529.690	108.021.054
Thuế GTGT	-	10.802.106
<b>Giao dịch khác</b>		<b>3.035.000.000</b>
Tiền cổ tức năm 2008 và 2009	-	3.035.000.000
<b>Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</b>		
<b>Giao dịch bán hàng</b>	<b>372.260.713</b>	-
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	338.418.830	
Thuế GTGT	33.841.883	
<b>Giao dịch khác</b>	-	<b>101.889.893</b>
Bù trừ công nợ	-	101.889.893
<b>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông</b>		
<b>Giao dịch bán hàng</b>	<b>2.429.199.488</b>	-
Khối lượng Công trình thực hiện trong kỳ	2.205.416.933	-
Thuế GTGT	220.541.693	-
Tiền điện	2.946.238	-
Thuế GTGT	294.624	-
<b>Giao dịch khác</b>	-	<b>500.000.000</b>
Góp vốn trong kỳ	-	500.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG**

Địa chỉ: BT 03 - Vị trí 24 - Dự án khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, TP Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp Quý 4 của năm 2011 (tiếp theo)**

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i></b>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	27.426.582.680	17.637.330.057
<b><i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11</i></b>		
Phải thu khối lượng xây lắp và các dịch vụ khác	447.293.178	675.032.465
<b><i>Công ty Cổ phần Thủy Điện To Bông</i></b>		-
Phải thu khối lượng xây lắp	2.425.958.626	
Phải thu tiền điện	5.198.445	
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>30.305.032.929</u></b>	<b><u>18.312.362.522</u></b>
<b><i>Công ty Cổ phần Sông Đà 11</i></b>		
Vay vốn lưu động	-	300.000.000
Ứng trước về giá trị công trình xây dựng	3.760.512.006	12.206.135.975
Phải trả tiền khối lượng, vật tư	722.749.308	1.013.855.838
Phải trả tiền cổ tức	-	3.035.000.000
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>4.483.261.314</u></b>	<b><u>16.554.991.813</u></b>

Lập, ngày 15 tháng 01 năm 2012

**Người lập biểu****Kế toán trưởng****Tổng Giám đốc**Đoàn Văn HiếuTrần Thanh GiangLê Văn Tuấn

Số: 16 /CV-TCKT  
V/v: Giải trình chênh lệch 10% LNST  
so với cùng kỳ năm trước

Hà Nội, ngày 31 tháng 01 năm 2012

**Kính gửi:** - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11 THĂNG LONG
2. Mã chứng khoán: SEL
3. Đ/c trụ sở chính: BT03 VT24, KĐT Xa La, Quận Hà Đông, Tp Hà Nội
4. Điện thoại: 0422 463 216 Fax : 0433 554 511
5. Người được ủy quyền công bố thông tin: Ông Lê Văn Tuấn - Tổng giám đốc Công ty
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính Quý IV năm 2011 của Công ty CP Sông Đà 11 Thăng Long được lập ngày 15/01/2012 bao gồm: BCDKT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.

6.2 Nội dung giải trình chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm trước:

Doanh thu quý IV năm 2011 so với quý IV năm 2010 giảm 31,48% ; Trong khi đó giá vốn quý IV năm 2011 so với quý IV năm 2010 giảm 39,09% ; Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu của quý IV năm 2010 là 90,86% ; Tỷ lệ Giá vốn/Doanh thu của quý IV năm 2011 là 80,77% dẫn tới lợi nhuận sau thuế quý IV năm 2011 so với cùng kỳ năm 2010 tăng 66,83%.

Nguyên nhân: Do quý IV năm 2011, Công ty đã tập trung toàn lực đẩy mạnh thi công một số công trình trọng điểm về xây lắp đường dây như: CT ĐZ 22KV Saophaothong; CT ĐZ 220KV Vũng Áng - Hà Tĩnh; CT ĐZ 220KV Hủa Na - Thanh Hoá; CT ĐZ 22Kv Đồng Nai 5 và một số hạng mục công việc phục vụ khác tại các công trình thủy điện Xêcamán 1, TĐ Xêcamán 3, TĐ Đồng Nai 5, với chi phí giá thành thấp cùng với việc quản lý chi phí trực tiếp của Công ty đối với từng công trình chặt chẽ hơn làm cho hiệu quả của từng công trình được nâng cao. Mặt khác trong quý IV năm 2011 Công ty làm việc với các Chủ đầu tư và đã thu được các khoản bù giá của các công trình thủy điện Xêcamán 1, TĐ Xêcamán 3 và một số khoản trực tiếp phí khác của các công trình này, dẫn đến lợi nhuận gộp quý IV năm 2011 tăng 44,24% so với quý IV năm 2010 nên đã bù đắp được khoản chi phí tăng thêm như lãi vay và lợi nhuận trong kỳ tăng so với cùng kỳ năm trước trên 66,83%

Với nguyên nhân đã nêu đã làm lợi nhuận quý IV năm 2011 của Công ty có sự biến động tăng trên 10% so với cùng kỳ năm trước, vậy Công ty xin được giải trình cụ thể về nguyên nhân của sự biến động trên.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính Quý IV năm 2011 tại: [www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn)

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu TCKT, TCHC;
- Web [www.selco.com.vn](http://www.selco.com.vn)



Lê Văn Tuấn